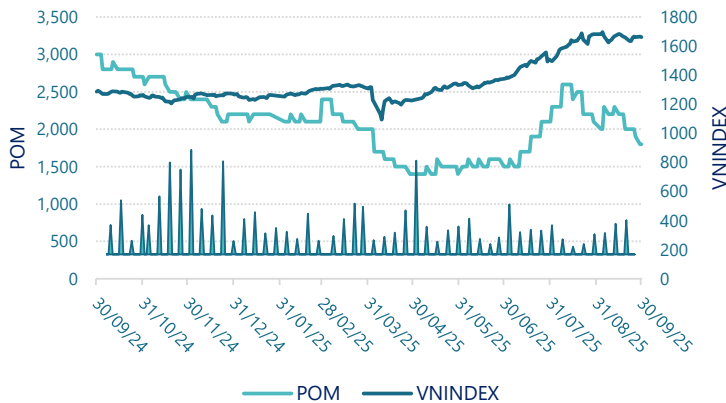




CTCP Thép POMINA (UPCOM: POM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,400
SL cổ phiếu LH	278,543,546
KLGD BQ 20 phiên (CP)	286,840
% sở hữu nước ngoài	3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	501
P/E	-0.7
EPS	-2,555

DT thuần

Q3/25

203

tỷ VNĐ

QoQ: ▼259 | -56.1%

YoY: ▼285 | -58.4%

LN sau thuế

Q3/25

-183

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.0 | -7.5%

YoY: ▲ 103 | 36.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-11.7%

+/- YoY: ▲ 12.2%

DT thuần

9T 2025

1,694

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 118 | 7.5%

LN sau thuế

9T 2025

-512

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 280 | 35.3%

ROE

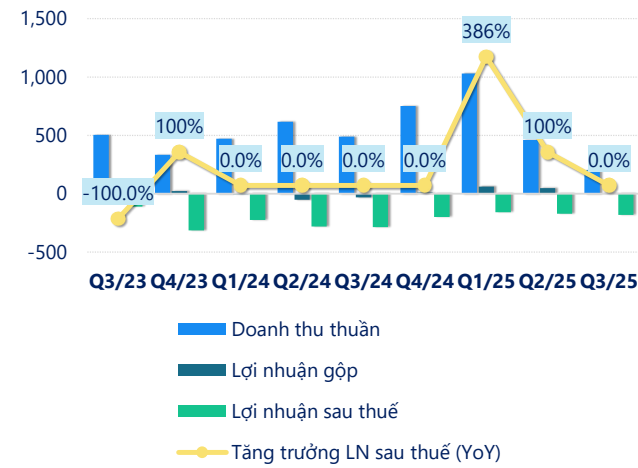
Q3/25

-442%

+/- YoY: ▼ 354%

tỷ VNĐ

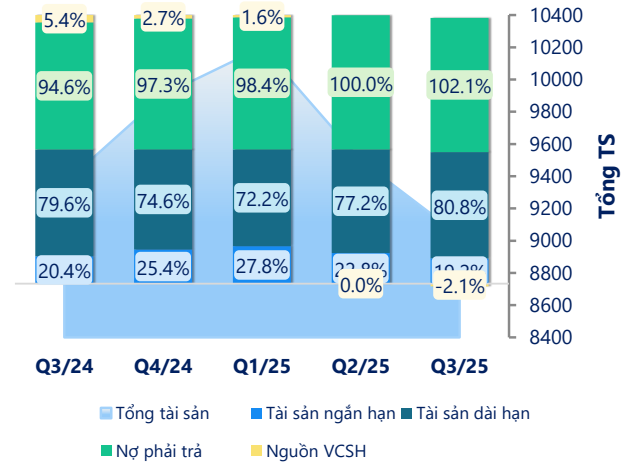
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

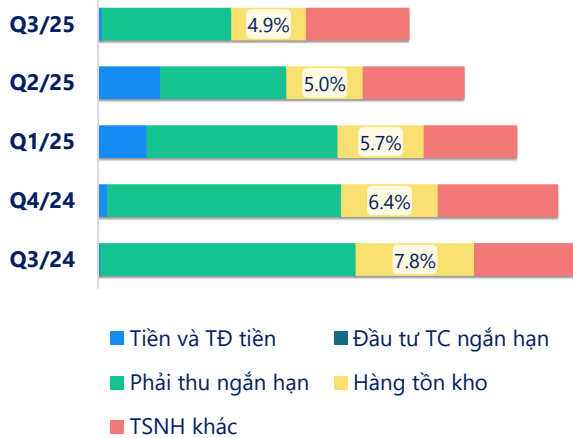
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



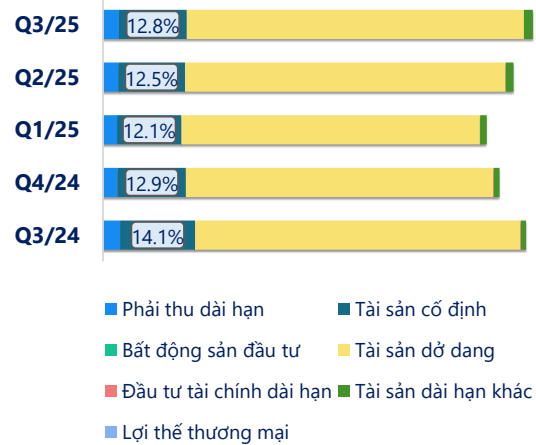
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

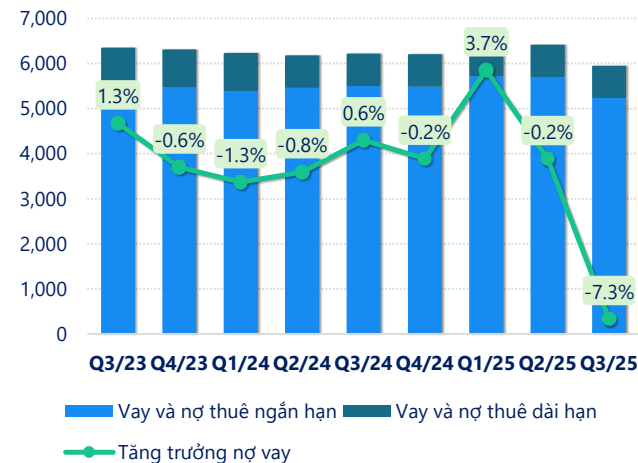
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

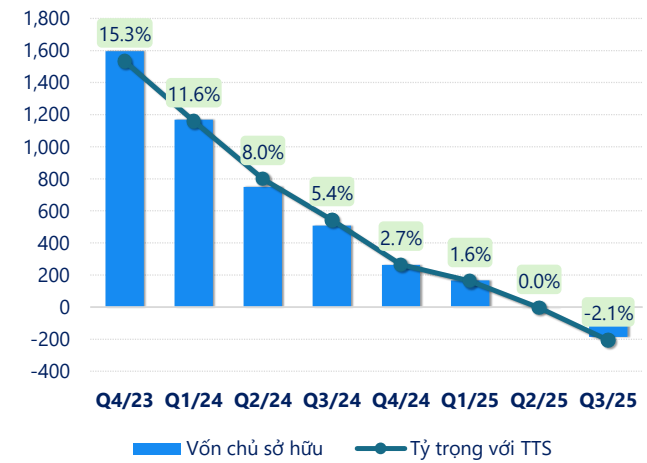
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

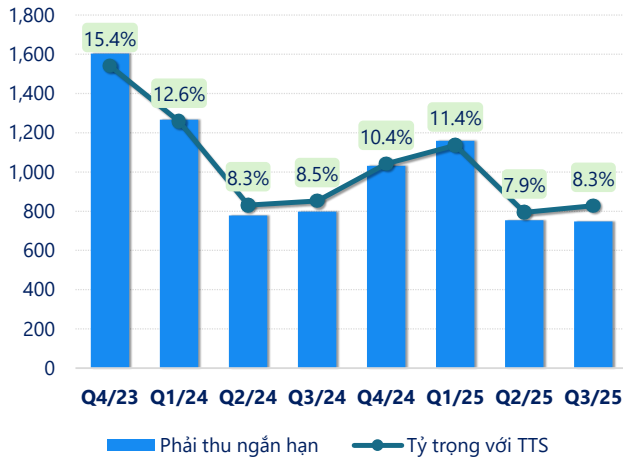
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



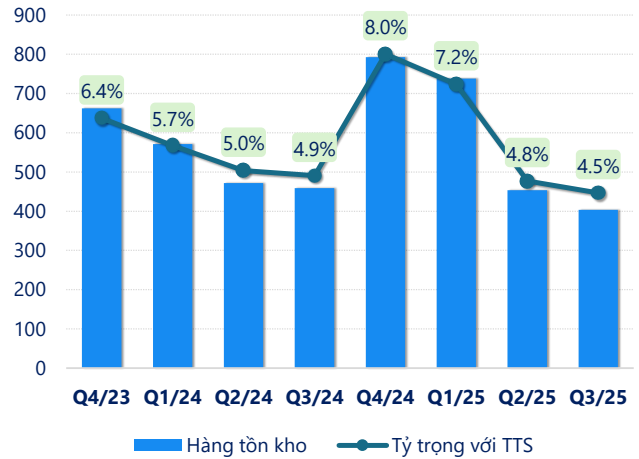
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


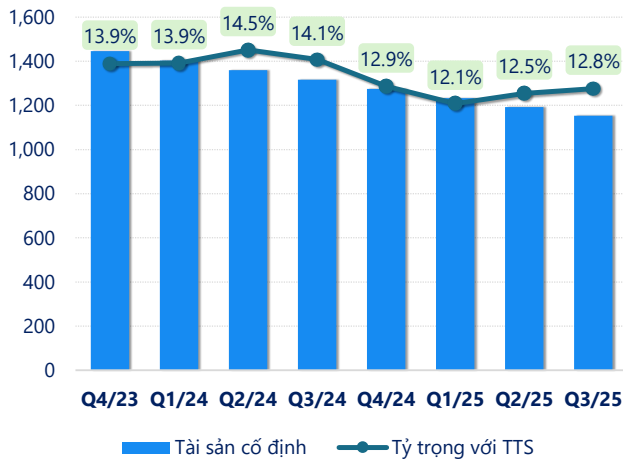
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


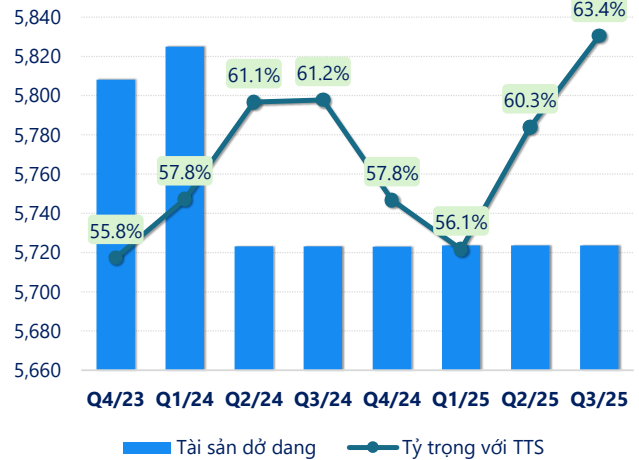
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

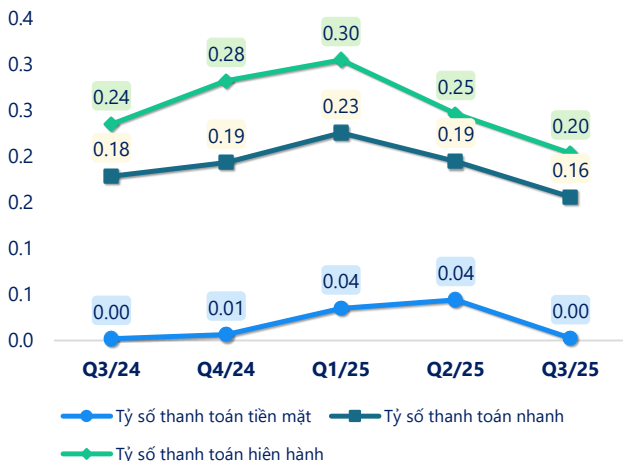
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

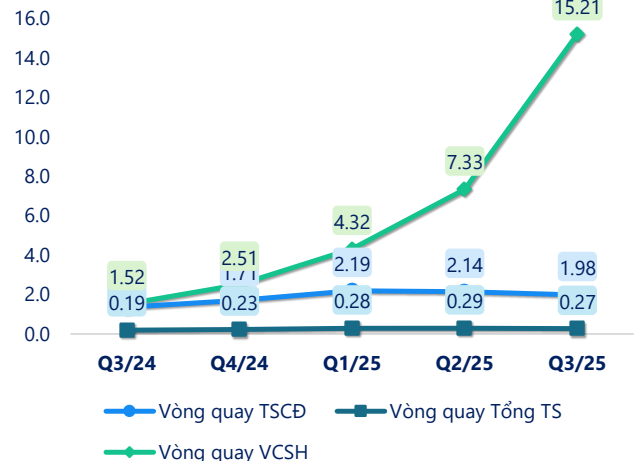
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	9,353	9,904	10,201	9,498	9,032
Tài sản ngắn hạn	1,910	2,519	2,840	2,163	1,731
Tiền và tương đương tiền	16.0	58.8	326	388	22.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	797	1,032	1,158	754	748
Hàng tồn kho	459	793	738	453	403
Tài sản ngắn hạn khác	638	635	618	568	557
Tài sản dài hạn	7,443	7,385	7,360	7,335	7,302
Phải thu dài hạn	304	272	272	272	272
Tài sản cố định	1,317	1,274	1,233	1,192	1,153
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5,723	5,723	5,724	5,724	5,724
Đầu tư tài chính dài hạn	8.77	10.0	10.0	10.0	0
Tài sản dài hạn khác	90.3	106	122	137	153
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	8,845	9,641	10,034	9,502	9,219
Nợ ngắn hạn	8,126	8,922	9,315	8,783	8,508
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,500	5,486	5,716	5,701	5,238
Phải trả người bán ngắn hạn	1,703	2,331	2,323	1,564	1,561
Nợ dài hạn	719	719	719	719	712
Vay và nợ thuê dài hạn	719	719	719	719	712
Nguồn vốn chủ sở hữu	508	263	167	-4.09	-187
Vốn chủ sở hữu	508	263	167	-4.09	-187
Vốn điều lệ	2,797	2,797	2,797	2,797	2,797
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)